| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 9 - 2022
V/v: ly hôn giữa chị Th và anh T

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Trần Xuân Chỉnh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

**Bị đơn:** Anh Lê Tuấn T – Sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ (xóm 2, thôn T cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai ngày 15/7/2022 nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày*: Chị và anh Lê Tuấn T tự nguyện kết hôn ngày 18/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T chơi bời không quan tâm gì đến gia đình, mặc dù đã được chị và gia đình động viên khuyên ngăn nhưng anh T không nghe. Từ tháng 4/2020 chị và anh T đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Tuấn T. Anh T nhất trí và ký ghi rõ họ tên vào đơn xin ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh T không có con chung và hiện tại chị cũng không có thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn:* Anh Lê Tuấn T đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án để làm việc, nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Th gửi cho Tòa án.

*Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương thể hiện*: Anh Lê Tuấn T, sinh năm 1981 là người địa phương kết hôn với chị Bùi Thị Th, sinh năm 1979 người địa phương khác vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N. Hiện anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại: Xóm Đông Tân (xóm 2 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nhưng anh T đi làm thường xuyên vắng nhà, không rõ thời gian trở về, nên các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T không thể thực hiện việc tống đạt trực tiếp được.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Lê Tuấn T.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Lê Tuấn T đã được Tòa án tống đạt (niêm yết công khai) giấy triệu tập phiên tòa 02 lần hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vắng mặt không có lý do,

căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Lê Tuấn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 18/11/2019, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống theo chị Th trình bày không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 4 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Anh Lê Tuấn T đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị Th và anh T không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Lê Tuấn T của chị Bùi Thị Th phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Th và anh T không có con chung và hiện tại chị Th cũng không có thai nghén gì, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Lê Tuấn T.

2. Về án phí DSST: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai số 0004675 ngày 20/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Nguyễn Thị Ánh**

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu HS.